

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN
Bản án số: 566/2020/HSST
Ngày: 30/11/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên toà: Bà: Lê Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức Hào, bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Nguyễn Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân T phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện VKSND T phố Vinh tham gia phiên toà: ông Nguyễn Quang T - chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân T phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 565/2020/HSST ngày 18/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 781/2020/QĐXXST-HS ngày 19/11/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Đức T** - Tên gọi khác: Không

Sinh ngày: 03/9/1971 tại T phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKNKTT: khối T, phường V, Thành phố T, tỉnh A.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Nhân viên Ban quản lý chợ H - Trình độ học vấn: 12/12

Là: Đảng viên ĐCSVN đã đình chỉ sinh hoạt đảng

Con ông: Lê Văn L - (Đã chết). Con bà: Nguyễn Thị T - (Đã chết).

Anh chị em ruột: Có 07 người; bị cáo là con thứ 07 trong gia đình.

Vợ: Trần Thị M - Sinh năm 1976.

Con: có 02 người; Lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến ngày 21/7/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam thay thế biện pháp “*Bảo lĩnh*”. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” đến nay có mặt tại Pên tòa.

Người bị hại: ông Trần Doãn S - sinh năm 1964.

Trú tại: khối Phan Bội Châu, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh N (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Phương H

Trú tại: xóm 1, xã T, huyện N, tỉnh A (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Pên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau: Vào khoảng đầu năm 2014, Lê Đức T có nhận lời giúp cho con trai ông Trần Doãn S sinh năm 1964 trú tại khối Phan Bội Châu, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh N là anh Trần Doãn P sinh năm 1994 đi nghĩa vụ Công an nhân dân. Sau đó, T đã liên hệ nhờ ông Nguyễn Phương H sinh năm 1975 trú tại xóm 1, xóm 1, xã T, huyện N, tỉnh A (thời điểm đó là Đại đội trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động tại C) để giúp đỡ và đến ngày 27/01/2014 anh Trần Doãn P có Quyết định tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn tại Công an tỉnh Bình Định. Sau khi anh P có quyết định, ông S cùng với Lê Đức T đến gặp ông H cảm ơn ông H. Trong thời gian anh P tham gia nghĩa vụ Công an thì ngày 10/4/2014, ông Trần Doãn S chủ động liên hệ và giao cho T số tiền 80.000.000 đồng để nhờ giúp công việc cho cháu P. T nhận số tiền này và liên hệ ông Nguyễn Phương H để nhờ xin cho anh P. Qua trao đổi với ông H thì ông H không nhận lời giúp nên T liên hệ trả lại tiền cho ông S nhưng vì lý do công việc nên ông S chưa gặp T để nhận lại tiền. Thời gian sau đó, T đã tiêu xài hết số tiền này vào mục đích cá nhân. Đầu năm 2017, khi biết việc xin biên chế vào ngành Công an rất khó khăn và bản thân thiếu tiền tiêu xài nên Lê Đức T nảy sinh ý định lừa ông S để chiếm đoạt tài sản. T đưa ra thông tin có người nhà làm ở Công an T phố Hồ Chí Minh có khả năng giúp cho cháu P chuyển biên chế lâu dài trong Ngành Công an. Do tin tưởng vào lời nói của Lê Đức T nên ngày 10/01/2017 ông Trần Doãn S giao cho T số tiền 120.000.000 đồng. T viết giấy nhận số tiền 120.000.000 đồng và cam kết xin cho anh Trần Doãn P vào biên chế lâu dài trong Ngành Công an tại T phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận số tiền này, Lê Đức T không thực hiện như cam kết và chiếm đoạt toàn bộ số tiền 120.000.000 đồng. Đến ngày 24/02/2017, Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động đã có Quyết định xuất ngũ đối với anh Trần Doãn P. Khi biết con trai mình không được biên chế vào ngành Công an nên ông S đã yêu cầu Lê Đức T trả lại tiền. Sau nhiều lần liên hệ nhưng T không trả lại nên ông S đã làm đơn tố giác Lê Đức T lên Công an T phố Vinh. Đến ngày 04/6/2020, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Lê Đức T đã đến Công an T phố Vinh đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định số 195/KL-PC09 (Đ3) ngày 09/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: chữ ký, chữ viết trong “*Giấy nhận tiền mặt đề ngày 10/01/2017*” là do Lê Đức T viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: ông Trần Doãn S đã nhận số tiền 200.000.000 đồng khắc phục hậu quả nên không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 596/CT-VKS-TPV ngày 18/11/2020 của VKSND T phố Vinh truy tố Lê Đức T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại Pên toà đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 174 điểm b,v,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 24 -27 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 48 - 54 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại ông Trần Doãn S đã nhận lại tài sản nay không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Bị cáo không có tranh luận gì mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an T phố Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân T phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại Pên toà, bị cáo Lê Đức T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo tại Pên toà phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai người bị hại, người liên quan, nội dung cáo trạng truy tố, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Do tin tưởng vào lời nói của Lê Đức T nên ngày 10/01/2017, ông Trần Doãn S sinh năm 1964 trú tại khối Phan Bội Châu, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An giao số tiền 120.000.000 đồng để nhờ T xin cho anh Trần Doãn P (là con trai ông S) vào công tác lâu dài trong Ngành Công an tại T phố Hồ Chí Minh. Sau khi nhận tiền, Lê Đức T không thực hiện như cam kết mà chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu T tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 50.000.000đ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự mà VKS truy tố là đúng người, đúng tội.

[3]. Về tính chất vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo biết rõ được nhu cầu xin việc làm ngay các khó khăn nên đã lợi dụng vào lòng tin của người khác để chiếm đoạt tài sản. Ảnh hưởng xấu đến uy tín của các cơ quan nhà nước. Vì vậy đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm.

[4]. Tuy nhiên, cũng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, quá trình điều tra và tại Pên tòa, bị cáo khai báo T khẩn, đầu thú, quá trình điều tra đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, quá trình công tác đã có T tích xuất sắc được tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nghĩ chưa cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho gia đình phối hợp với chính quyền địa phương theo dõi giáo dục cũng đủ nghiêm.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: ông Trần Doãn S đã nhận lại tài sản nay không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Trong vụ án này, ông Nguyễn Phương H là người giúp anh Trần Doãn P được tuyển chọn công dân phục vụ có thời hạn tại Công an tỉnh Bình Định. Quá trình sau đó, ông H không nhận tiền và không hứa hẹn gì liên quan đến việc chuyển biên chế cho anh P nên không phạm tội.

[6]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174, điểm b,v,s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: Lê Đức T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 48 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường Vinh Tân, T phó Vinh quản lý, theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Vinh;
- VKSND Tỉnh NA
- Chi cục THADSTP Vinh;
- Công an TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An
- Bị cáo; Lưu HS .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Hoài